

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình định hướng nghề nghiệp Truyền thông Marketing (POHE), ngành Marketing, trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 9 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân giai đoạn 2015-2017 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2017);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-ĐHKTQD ngày 20/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 17/9/2021 về việc đánh giá 5 chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp (POHE) áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021);

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp Truyền thông Marketing (POHE), ngành Marketing, trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và áp dụng cho khóa 63 (tuyển sinh năm 2021)



Điều 3. Trưởng các Khoa/Viện có chuyên ngành đào tạo theo Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp (POHE), Viện trưởng Viện ĐTTT, CLC & POHE và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo)
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT (để thông báo)
- K.Marketing
- Lưu TH, V.ĐTTT, CLC & POHE

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Phạm Hồng Chương





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Chương trình POHE)

*(Ban hành theo Quyết định số 1582 ngày 22 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD)*

Ngành: MARKETING

Major: Marketing

CHƯƠNG TRÌNH POHE TRUYỀN THÔNG MARKETING

Program: Marketing Communication

Hệ: CHÍNH QUY

Mã ngành (Code of Major): 7340115

Hệ: CHÍNH QUY

Type of Education: Full-time

HÀ NỘI – 9/2021

MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE	1
2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES ...	2
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA.....	3
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT	4
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	4
6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ	4
7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY.....	5
7.1. Cấu trúc kiến thức	5
7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)	6
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION.....	11

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTQĐ ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAM): CỬ NHÂN MARKETING
(BACHELOR OF MARKETING)
POHE PROGRAM

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
EDUCATION):

NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR): MARKETING (MARKETING)

MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE): 7340115

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF CHÍNH QUY (FULL - TIME)
EDUCATION):

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE

Đào tạo cử nhân POHE Truyền thông Marketing có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý, quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Truyền thông Marketing. Ngoài kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng cá nhân, kỹ năng xã hội và kỹ năng quản lý; có khả năng làm việc độc lập, thích ứng nhanh với các nhiệm vụ cụ thể thuộc chức năng Marketing và Truyền thông Marketing; có năng lực tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng để nâng cao trình độ.

Với việc đào tạo theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp, sinh viên theo học Chương trình Cử nhân POHE Truyền thông Marketing khi ra trường có thể nhanh chóng hòa nhập với thực tiễn, thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực truyền

thông marketing như: xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch và chương trình truyền thông marketing; dự án nghiên cứu thị trường, quản trị thương hiệu, quan hệ công chúng, xúc tiến bán và marketing trực tuyến v.v.. tại các doanh nghiệp/tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước.

Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: Cử nhân POHE Truyền thông Marketing có khả năng làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, quỹ đầu tư... với chức danh như chuyên viên truyền thông marketing và thương hiệu, chuyên viên nghiên cứu truyền thông, quan hệ công chúng, chuyên viên sáng tạo, chuyên viên marketing, cán bộ xúc tiến bán, tổ chức sự kiện trong môi trường thực và môi trường internet; có khả năng trở thành trưởng các bộ phận chức năng marketing, truyền thông, giám đốc thương hiệu, giám đốc marketing, phụ trách hoạt động truyền thông tại doanh nghiệp/cơ quan/tổ chức. Đặc biệt, sinh viên sau khi tốt nghiệp Chương trình Cử nhân POHE Truyền thông Marketing hoàn toàn đủ điều kiện tiếp tục học tập nâng cao ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ về Marketing, Quản trị kinh doanh trong và ngoài nước; trở thành giảng viên đại học hoặc trở thành chuyên gia truyền thông ở các viện nghiên cứu, cơ quan/tổ chức.

2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES

Tốt nghiệp chương trình đào tạo, Cử nhân POHE Truyền thông Marketing của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân sẽ có được các năng lực sau đây:

(PLO1) Về kiến thức kinh doanh và marketing

(PLO2.1.1) Hiểu và phân tích được bản chất, vai trò của các chức năng và hoạt động truyền thông marketing, marketing và kinh doanh trong tổ chức/doanh nghiệp; có khả năng tổng hợp kiến thức nền tảng để phát hiện vấn đề truyền thông marketing trong tổ chức/doanh nghiệp (kiến thức kinh doanh, marketing và truyền thông).

(PLO2.1.2) Vận dụng kiến thức truyền thông marketing, marketing vào những tình huống truyền thông thường gặp và hiếm gặp; đề xuất những giải pháp sáng tạo cho những tình huống ngoài dự tính trong những lĩnh vực truyền thông marketing cụ thể như: nghiên cứu truyền thông, xác định công chúng mục tiêu và mục tiêu truyền thông, sáng tạo thông điệp, xác lập và phân bổ ngân sách truyền thông, hoạch định phương tiện, tích hợp công cụ, lập kế hoạch, thực thi, đánh giá hoạt động truyền thông và các khía cạnh khác thuộc chức năng truyền thông marketing và marketing ở một tổ chức/doanh nghiệp (Kiến thức truyền thông marketing và marketing)

(PLO2) Hiểu biết về môi trường kinh doanh, marketing và truyền thông marketing

(PLO2.2.1) Hiểu môi trường kinh doanh và môi trường truyền thông, marketing trong nước và quốc tế, hiểu ảnh hưởng của những yếu tố môi trường tới các hoạt động truyền thông marketing của tổ chức/doanh nghiệp.

(PLO3) Kỹ năng chuyên môn

(PLO2.3.1) Có khả năng làm chủ kỹ thuật công nghệ tin học cần thiết, kỹ thuật định tính và định lượng để phân tích, diễn giải dữ liệu về môi trường kinh doanh, hành vi công chúng; từ đó đưa ra định hướng, giải pháp nhằm cải thiện kết quả hoạt động truyền thông marketing của tổ chức/doanh nghiệp.

(PLO4) Kiến thức tích hợp

(PLO2.4.1) Tích hợp kiến thức và kinh nghiệm để phân tích tình huống, giải quyết các vấn đề truyền thông marketing; chỉ ra nguyên nhân của các vấn đề đó trong một tổ chức/doanh nghiệp cụ thể.

(PLO5) Kỹ năng giao tiếp

(PLO2.5.1) Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả (nói, viết) bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh.

(PLO6) Kỹ năng làm việc nhóm

(PLO2.6.1) Có kỹ năng làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ với các đối tác; thực hiện tốt vai trò thành viên và vai trò điều hành nhóm để hướng tới mục tiêu chung đã xác định.

(PLO7) Kỹ năng giải quyết vấn đề

(PLO2.7.1) Có kỹ năng ứng dụng kiến thức được học để giải quyết vấn đề truyền thông marketing trong những tình huống cụ thể, đưa ra giải pháp cho các sự việc/vấn đề ngoài dự tính.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 139 tín chỉ

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo cử nhân ngành chuyên sâu Truyền thông Marketing phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, gồm 139 tín chỉ (viết tắt là TC), không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, các lớp tiếng Anh tăng cường do chuyên gia nước ngoài giảng dạy và các lớp kỹ năng mềm được thực hiện bởi các tổ chức chuyên nghiệp. Chi tiết như sau:

Chương trình giảng dạy Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng theo quy định của pháp luật và quy chế của Trường;

Ngoại ngữ, tiếng Anh tăng cường theo Đề án ngoại ngữ dành cho sinh viên chương trình POHE nhằm đáp ứng chuẩn ngoại ngữ theo quy định.

Tham quan, thực hành, thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước;

Tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ nghề nghiệp thông qua hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp để trang bị kiến thức thực tế đối với nghề nghiệp đào tạo.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT

Người học phải đạt chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo, cụ thể người học phải đạt tiêu chuẩn theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định tuyển chọn vào Chương trình POHE.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

(STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS)

- Thời gian đào tạo theo tiêu chuẩn là 4 năm, bao gồm cả học tăng cường tiếng Anh và thời gian thực tập cuối khóa.

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định riêng trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình POHE. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức là 139 tín chỉ, phải hoàn thành học phần Giáo dục thể chất, đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng.

Đồng thời, phải đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ theo quy định đối với sinh viên Chương trình POHE.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

Các học phần của chương trình được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 4, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0

3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,5	F	0,0

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú	So Sánh CTĐT K61- K62
1. Kiến thức giáo dục đại cương	50		
1.1. Các học phần chung	11	Lý luận chính trị	
	12	Ngoại ngữ	
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc 4 HP	
1.3. Các học phần của ngành	15	04 học phần bắt buộc của lĩnh vực	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	89		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	05 học phần bắt buộc của nhóm ngành	
2.2. Kiến thức ngành	42		
2.2.1. Các học phần bắt buộc	27		
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)	
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18		

2.4. Thực tập 1, Thực tập 2 (Khóa luận tốt nghiệp)	14		
TỔNG SỐ	139	Không kể GDQP&AN và GDTC	

7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Kế hoạch học tập chuẩn

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester							
						1	2	3	4	5	6	7	8
		1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		50									
		1.1. Các học phần chung		23									
1	1	LLNL1105	Triết học Mác Lê Nin Marxist-Leninist philosophy	3	Tiếng Việt	3							
2	2	LLNL1106	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin Political economics of marxism and leninism	2	Tiếng Việt		2						
3	3	LLNL1107	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	Tiếng Việt		2						
4	4	LLSD1102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Vietnam Communist Party History	2	Tiếng Việt			2					
5	5	LLTT1101	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2	Tiếng Việt			2					
6	6	TAAEP01 TAAEP02 TAAEP03	Ngoại Ngữ Foreign Language	12	Tiếng Việt	4	8						
		GDTC	Giáo dục thể chất Physical Education	x	Tiếng Việt	x	x	x	x				
		QPCT1101	Giáo dục quốc phòng / Military Education	x	Tiếng Việt			x					
		QPCT1102	Công tác quốc phòng an ninh/ Introduction to the National Defense										
		QPDL1103	Quân sự chung/ General Military Education										
		QPDL1104	Đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam/										

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester							
						1	2	3	4	5	6	7	8
		QPDL1105	Party's Direction on the National Defense Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng AK/ Strategy and Technique of Shooting AK										
1.2. Các học phần bắt buộc của Trường				12									
7	1	KHMI1101	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	3	Tiếng Việt	3							
8	2	KHMA1101	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics	3	Tiếng Việt		3						
9	3	LUCS1129	Pháp luật Đại cương Fundamental of Laws	3	Tiếng Việt	3							
10	4	TOCB1110	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	3	Tiếng Việt	3							
1.3. Các học phần của ngành				15									
11	1	KTKE1101E	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	3	Tiếng Anh			3					
12	2	TKKD1129	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economic and Business	3	Tiếng Việt				3				
13	3	NHTC1120E	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	3	Tiếng Anh			3					
14	4	NLQT1102E	Hành vi tổ chức Organisation Behavior	3	Tiếng Anh				3				
15	5	QTKD1135	Quản trị vận hành Operation Management		Tiếng Việt					3			
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				89									
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15									
16	1	QTTH1102E	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	3	Tiếng Anh			3					
17	2	MKMA1104	Marketing căn bản Principles of Marketing	3	Tiếng Việt		3						
18	3	MKMA1109	Nghiên cứu marketing Marketing research	3	Tiếng Việt				3				

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester							
						1	2	3	4	5	6	7	8
19	4	MKMA1101	Hành vi người tiêu dùng <i>Consumer Behavior</i>	3	Tiếng Việt				3				
20	5	MKMA1110	Quản trị Marketing <i>Marketing Management</i>	3	Tiếng Việt							3	
2.2. Kiến thức ngành				42									
2.2.1. Các học phần bắt buộc				27									
21	1	POHE MKTT1113E	Giao tiếp – Truyền thông trong kinh doanh <i>Business Communications</i>	3	Tiếng Anh		3						
22	2	MKTT1116	Quản trị quảng cáo <i>Advertising management</i>	3	Tiếng Việt						3		
23	3	POHE MKBH1116	Marketing Công nghệ số* <i>Digital Marketing</i>	3	Tiếng Việt				3				
24	4	MKTT1112	Quản trị Thương hiệu <i>Brand Management</i>	3	Tiếng Việt					3			
25	5	POHE MKTT1111	Truyền thông Marketing Tích hợp <i>Integrated Marketing Communications</i>	3	Tiếng Việt			3					
26	6	MKTT1108E	Xúc tiến bán <i>Sales Promotion</i>	3	Tiếng Anh							3	
27	7	POHE MKTT1104E	Kế hoạch hóa Phương tiện Truyền thông* <i>Advertising Media Planning</i>	3	Tiếng Anh					3			
28	8	MKTT1110	Quản trị Doanh nghiệp Truyền thông <i>Agency Management</i>	3	Tiếng Việt						3		
29	9	MKTT1109	Quan hệ Công chúng <i>Public Relations</i>	3	Tiếng Việt					3			
2.2.2. Các học phần tự chọn của ngành (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp sau)				15									
30- 34	1	MKMA1107E	Marketing Dịch vụ <i>Service Marketing</i>	3	Tiếng Anh							3	
	2	MKMA1108E	Marketing Quốc tế <i>International Marketing</i>	3	Tiếng Anh								

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester							
						1	2	3	4	5	6	7	8
	3	MKBH1112	Marketing tới Khách hàng Tổ chức B2B Marketing	3	Tiếng Việt								
	4	MKBH1109	Quản trị Quan hệ Khách hàng Customer Relationship Management	3	Tiếng Việt								
	5	POHE MKTT1133	Luật và Đạo đức Truyền thông Legal and Ethics Foundation of Communications	3	Tiếng Việt		3						
	6	POHE MKBH1110	Kỹ năng Bán hàng* Selling Skills	3	Tiếng Việt						3		
	7	MKDG1120	Quản trị giá Price Management	3	Tiếng Việt								
	8	POHE MKTT1115	Quay phim – Chụp ảnh Quảng cáo* Advertising Photography and filming	3	Tiếng Việt						3		
	9	MKTT1105	Truyền thông và Trưng bày tại Điểm bán Communication & Merchandising	3	Tiếng Việt						3		
2.3. Kiến thức chuyên sâu				18									
35	1	POHE MKTT1151	Hệ thống Nhận diện Thương hiệu* Corporate Brand Identity	3	Tiếng Việt							3	
36	2	POHE MKTT1148	Chiến lược Sáng tạo trong Truyền thông* Creative Strategy in Communication	3	Tiếng Việt					3			
37	3	POHE MKTT1107E	Tổ chức Sự kiện* Event Planning	3	Tiếng Anh				3				
38	4	POHE MKTT1109	Marketing trực tiếp* Direct Marketing	3	Tiếng Việt							3	
39	5	MKTT1140	Quản trị Khủng hoảng Crisis Management	3	Tiếng Việt						3		

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester							
						1	2	3	4	5	6	7	8
40	6	POHE MKTT1156E	Tiếng Anh trong Truyền thông Marketing <i>English for Marketing communication</i>	3	Tiếng Anh		3						
2.4. Thực tập và báo cáo tốt nghiệp				14									
41	1	POHE MKTT1118	Thực tập 1: POHE Truyền thông marketing <i>Internship 1: POHE Marketing Communication</i>	4	Tiếng Việt/ Tiếng Anh						4		
42	2	POHE MKTT1119	Thực tập 2: Khóa luận Tốt nghiệp POHE Truyền thông Marketing <i>Internship 2: Graduation Thesis POHE Marketing Communication</i>	10	Tiếng Việt/ Tiếng Anh								10
Tổng số TC toàn khóa				139									

Ghi chú: (*): 8 học phần có thực hành (1TC thực hành).

Sinh viên được khuyến khích tham gia các hoạt động ngoại khóa, tích lũy điểm rèn luyện về năng khiếu và sở thích; ví dụ: khiêu vũ, ca nhạc, thể thao, chụp ảnh, quay phim, xây dựng clip quảng cáo v.v...

Danh sách các học phần có giảng dạy thực hành, thực tế

STT	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages
1	POHE MKBH1116	Marketing Công nghệ số* <i>Digital Marketing</i>	3	Tiếng Việt
2	POHE MKTT1104E	Kế hoạch hóa Phương tiện Truyền thông* <i>Advertising Media Planning</i>	3	Tiếng Anh
3	POHE MKBH1110	Kỹ năng Bán hàng* <i>Selling Skills</i>	3	Tiếng Việt
4	POHE MKTT1115	Quay phim – Chụp ảnh Quảng cáo* <i>Advertising Photography and filming</i>	3	Tiếng Việt
5	POHE MKTT1151	Hệ thống Nhận diện Thương hiệu* <i>Corporate Brand Identity</i>	3	Tiếng Việt
6	POHE	Chiến lược Sáng tạo trong Truyền thông*	3	Tiếng Việt

STT	Mã học phần <i>Code</i>	Học phần <i>Courses</i>	Tín chỉ <i>Credits</i>	Ngôn ngữ giảng <i>Teaching languages</i>
	MKTT1148	<i>Creative Strategy in Communication</i>		
7	POHE MKTT1107E	Tổ chức Sự kiện* <i>Event Planning</i>	3	Tiếng Anh
8	POHE MKTT1109	Marketing trực tiếp* <i>Direct Marketing</i>	3	Tiếng Việt

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION

CTĐT dự kiến được thực hiện trong 04 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính (Thu và Xuân) và 01 học kỳ phụ (học kỳ Hè) theo học chế tín chỉ.

Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần. Đề cương chi tiết của từng học phần gắn với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Truyền thông Marketing.

Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ của Chương trình POHE, có chứng chỉ GDQP-AN, hoàn thành học phần GDTC và các quy định khác của Trường ĐHKQTĐ.

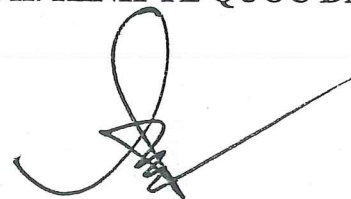
TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Vũ Huy Thông

HIỆU TRƯỞNG 

TRƯỜNG ĐH. KINH TẾ QUỐC DÂN



PGS.TS. Phạm Hồng Chương